**Phụ lục**

|  |
| --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **ĐƠN VỊ………………**  **-------------------**  **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  **ĐƠN VỊ HỌC TẬP CẤP QUẬN NĂM 2024**  ***Long Biên, tháng 01 năm 2025*** |

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **ĐT liên lạc** | **Chữ ký** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Chỉ tiêu** | **Xếp loại chỉ tiêu** | | | **Xếp loại tiêu chí** | | |
| Không đạt | Đạt mức độ 1 | Đạt mức độ 2 | Không đạt | Đạt mức độ 1 | Đạt mức độ 2 |
| **Tiêu chí 1** | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 2** | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí 3** | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |

**Đánh giá mức độ đạt được:** (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)……………………

**DANH SÁCH CHỮ VIẾT TẮT** *(nếu có)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Chữ viết tắt** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| ……… |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **ĐƠN VỊ…….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 202…* |

**BIÊN BẢN**

**Tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 202...**

Thực hiện Kế hoạch số ……/KH-UBND ngày …./…./202…. của ………… về việc triển khai thực hiện việc đánh giá, xếp loại “Đơn vị học tập”………, Đơn vị… ….. đã tiến hành tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 202…. theo quy định. Nội dung cụ thể như sau:

\* Thời gian: ….… giờ …… ngày ….. tháng ….. năm …..

\* Địa điểm ………………………………………………

\* Thành phần:

1. Chủ trì: Ông/Bà …………………….….. Chức vụ: ……………………..

2. Thư ký: Ông/Bà ………………………… Chức vụ: ……………………

3. Thành phần khác: …..……………………………………………………

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Minh chứng**  *(đây chỉ là các minh chứng gợi ý, đơn vị có thể cung cấp các minh chứng khác liên quan đến các chỉ tiêu cho phù hợp với thực tiễn của từng đơn vị; liệt kê từng minh chứng đã có vào ô tương ứng)* | **Tự đánh giá, xếp loại** *(Đạt/Không đạt)* |
| **Tiêu chí 1** | **Về điều kiện xây dựng “Đơn vị học tập”** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | Ban hành kế hoạch hằng năm cho thành viên trong đơn vị được học tập thường xuyên, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch | - Kế hoạch học tập, bồi dưỡng thường xuyên của đơn vị;  - Hình ảnh, tài liệu, học liệu, bài giảng… |  |
| Chỉ tiêu 2 | Thực hiện đầy đủ các chế độ về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành, có quy định của đơn vị nhằm khuyến khích, động viên thành viên trong đơn vị tích cực học tập | Các văn bản có quy định cụ thể của đơn vị nhằm động viên các thành viên học tập (học phí, phương tiện, động viên, khen thưởng...) |  |
| Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập tham gia thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định. | Kế hoạch về việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn; Chương trình; Giấy mời; Danh sách GV dự tập huấn, …. |  |
| Chỉ tiêu 3 | Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với thành viên trong đơn vị (đối với đơn vị là cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước). | - Nguồn lực tài chính;  - Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác phục vụ học tập, bồi dưỡng.  - Các văn bản, minh chứng về việc chi kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng… |  |
| Chỉ tiêu 4 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố triển khai chuyển đổi số, các thành viên trong đơn vị được trang bị các dụng cụ, thiết bị học tập đáp ứng nhu cầu làm việc và học tập trong bối cảnh chuyển đổi số | Các văn bản chỉ đạo; kế hoạch; hợp đồng mua sắm trang thiết bị … liên quan đến công tác chuyển đổi số; hình ảnh phòng làm việc có trang bị máy tính, thiết bị CNTT… |  |
| Chỉ tiêu 5 | Tham gia các hoạt động phục vụ việc học tập suốt đời cho người dân. | - Các văn bản chỉ đạo; Kế hoạch; Chương trình, hình ảnh… tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời…  - Tham gia tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các chuyên đề, lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng.  - Tham gia tổ chức hoặc trực tiếp giảng dạy các chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học.  - Biên soạn, cung cấp, hỗ trợ tài liệu phục vụ việc học tập suốt đời cho người dân…… |  |
| **Tiêu chí 2** | **Về kết quả học tập của thành viên trong đơn vị** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và trao đổi. | - Bảng chấm công của đơn vị;  - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;  - Văn bản thể hiện tinh thần hợp tác, chia sẻ, trao đổi…. |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và trao đổi. |
| Chỉ tiêu 2 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt. | Xác nhận của đơn vị đối với các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng theo quy định kèm theo chương trình học tập, bồi dưỡng; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học; Giấy mời, Công văn cử đi học… |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt. |
| Chỉ tiêu 3 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị. | Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị; danh sách cán bộ được đào tạo/tập huấn/thực hiện chuyển đổi số… |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị. |
| Chỉ tiêu 4 | - Mức độ 1: Tối thiểu 50% thành viên trong đơn vị có chứng nhận hoặc chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm (không bao gồm thành viên trong đơn vị là tổ chức kinh tế). | - Danh sách trích ngang đội ngũ nhân sự toàn đơn vị trong đó có thông tin về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của các cá nhân được lãnh đạo đơn vị ký, xác nhận; bản photo các văn bằng, chứng chỉ… |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 70% thành viên trong đơn vị có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm (không bao gồm thành viên trong đơn vị là tổ chức kinh tế). |
| Chỉ tiêu 5 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng số 06/2022/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx)) trở lên. | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo cấp trên; bằng khen, giấy khen… |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx) số 06/2022/QH15) trở lên. |
| **Tiêu chí 3** | **Tác dụng của việc xây dựng “Đơn vị học tập”** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, công nhận “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030 (ban hành tại Quyết định số 324/QĐ-KHVN ngày 25/10/2023 của Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.  Đối với đơn vị là cơ sở giáo dục: tối thiểu 95% người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN. | Quyết định công nhận “Công dân học tập” của các thành viên trong đơn vị |  |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN.  Đối với Đơn vị là cơ sở giáo dục: tối thiểu 97% người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN. |
| Chỉ tiêu 2 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố thực hiện các hoạt động tạo lập môi trường học tập và chia sẻ tri thức với các đơn vị khác. | - Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giấy mời, hình ảnh… thể hiện việc tạo lập môi trường học tập, giao lưu, chia sẻ tri thức/chuyên môn với các đơn vị khác.  - Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giấy mời, hình ảnh, danh sách… tổ chức thực hiện hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn của cụm.  - Đường link bài giảng, tài liệu, học liệu được chia sẻ trên môi trường số…. |  |
| Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập có thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định. | Xác nhận của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn đối với các thành viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng… |  |
| Chỉ tiêu 3 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx)số 06/2022/QH15) trở lên. | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng; bằng khen, giấy khen… |  |
|  |
| Chỉ tiêu 4 | - Mức độ 1: Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục phổ thông/cơ sở giáo dục đại học đạt mức độ chuyển đổi số của đơn vị ở “mức đáp ứng cơ bản” theo Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo | - Các minh chứng theo bộ chỉ số của Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Quyết định công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ quan quản lý cấp trên |  |
| - Mức độ 2: Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục phổ thông/cơ sở giáo dục đại học đạt mức độ chuyển đổi số của đơn vị ở “mức đáp ứng tốt” theo Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| Chỉ tiêu 5 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành. | Quyết định/ Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục |  |

**\* Tự nhận xét, đánh giá:**

- Ưu điểm:......

- Tồn tại, hạn chế:........

- Kết quả tự đánh giá:

+ Số lượng các chỉ tiêu đạt……… (…..%); số lượng các tiêu chí đạt…….. (….%)

+ Số lượng các chỉ tiêu không đạt……… (…..%); số lượng các tiêu chí không đạt…….. (….%)

- Mức tự đánh giá Đơn vị học tập năm 202… (*Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2*)….…..

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí và ký tên vào biên bản.

Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi ….. giờ ….. ngày …./…../202…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THƯ KÝ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **CÁC THÀNH VIÊN KHÁC**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  *(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)* |

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN “ĐƠN VỊ HỌC TẬP”**

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung**

………………

**2. Mục đích tự đánh giá**

……………….

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

……………….

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chí 1** *(copy nguyên văn tiêu chí theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

***Chỉ tiêu 1*** *(copy nguyên văn chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

1. Mô tả hiện trạng

Minh chứng

2. Điểm mạnh:

………………

3. Tồn tại:

…………..

4. Tự đánh giá: (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)………………

***Chỉ tiêu 2*** *(copy nguyên văn chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

1. Mô tả hiện trạng

Minh chứng

2. Điểm mạnh:

………………

3. Tồn tại:

…………..

4. Tự đánh giá: (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)………………

***Chỉ tiêu 3*** *(copy nguyên văn chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

1. Mô tả hiện trạng

…………

Minh chứng…………

2. Điểm mạnh:

………………

3. Tồn tại:

…………..

4. Tự đánh giá: (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)………………

***Chỉ tiêu 4*** *(copy nguyên văn chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

1. Mô tả hiện trạng

………….

Minh chứng……….

2. Điểm mạnh:

………………

3. Tồn tại:

…………..

4. Tự đánh giá: (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)…………

***Chỉ tiêu 5*** *(copy nguyên văn chỉ tiêu theo Kế hoạch của UBND Thành phố)*

1. Mô tả hiện trạng

……………

Minh chứng…………….

2. Điểm mạnh:

………………

3. Tồn tại:

…………..

4. Tự đánh giá: (Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2)……………

Kết luận về Tiêu chí 1: nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, điểm yếu cơ bản của Tiêu chí; số lượng chỉ tiêu không đạt, đạt mức 1, đạt mức 2.

***Tiêu chí 2, Tiêu chí 3 được đánh giá lần lượt theo cấu trúc như trên.***

**III. KẾT LUẬN CHUNG**

Phần này cần ngắn gọn nhưng phải nêu được những vấn đề sau:

- Số lượng các chỉ tiêu đạt……… (…..%); số lượng các tiêu chí đạt…….. (….%)

- Số lượng các chỉ tiêu không đạt……… (…..%); số lượng các tiêu chí không đạt…….. (….%)

- Mức tự đánh giá Đơn vị học tập năm 202… (*Không đạt/Đạt mức độ 1/Đạt mức độ 2*)….…..

- Các kết luận khác (nếu có)………….

*Long Biên, ngày tháng 01 năm 2025*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**HƯỚNG DẪN THU THẬP VÀ SẮP XẾP MINH CHỨNG**

*( Lưu ý: Đây chỉ là các minh chứng mang tính gợi ý; đơn vị có thể cung cấp các minh chứng khác liên quan đến các chỉ tiêu cho phù hợp với thực tiễn của từng đơn vị; liệt kê từng minh chứng đã có vào ô tương ứng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Minh chứng** | **Ký hiệu minh chứng** |
| **Tiêu chí 1** | **Về điều kiện xây dựng “Đơn vị học tập”** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | Ban hành kế hoạch hằng năm cho thành viên trong đơn vị được học tập thường xuyên, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch | - Kế hoạch học tập, bồi dưỡng thường xuyên của đơn vị;  - Hình ảnh, tài liệu, học liệu, bài giảng… | TC1 - 01 |
| Chỉ tiêu 2 | Thực hiện đầy đủ các chế độ về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành, có quy định của đơn vị nhằm khuyến khích, động viên thành viên trong đơn vị tích cực học tập. | Các văn bản có quy định cụ thể của đơn vị nhằm động viên các thành viên học tập (học phí, phương tiện, động viên, khen thưởng...) | TC1 - 02 |
| Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập tham gia thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định. | Kế hoạch về việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn; Chương trình; Giấy mời; Danh sách GV dự tập huấn, …. | TC1 - 02 |
| Chỉ tiêu 3 | Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với thành viên trong đơn vị (đối với đơn vị là cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước). | - Nguồn lực tài chính;  - Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác phục vụ học tập, bồi dưỡng.  - Các văn bản, minh chứng về việc chi kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng… | TC1 - 03 |
| Chỉ tiêu 4 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố triển khai chuyển đổi số, các thành viên trong đơn vị được trang bị các dụng cụ, thiết bị học tập đáp ứng nhu cầu làm việc và học tập trong bối cảnh chuyển đổi số | Các văn bản chỉ đạo; kế hoạch; hợp đồng mua sắm trang thiết bị … liên quan đến công tác chuyển đổi số; hình ảnh phòng làm việc có trang bị máy tính, thiết bị CNTT… | TC1 - 04 |
| Chỉ tiêu 5 | Tham gia các hoạt động phục vụ việc học tập suốt đời cho người dân. | - Các văn bản chỉ đạo; Kế hoạch; Chương trình, hình ảnh… tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời…  - Tham gia tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các chuyên đề, lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng.  - Tham gia tổ chức hoặc trực tiếp giảng dạy các chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học.  - Biên soạn, cung cấp, hỗ trợ tài liệu phục vụ việc học tập suốt đời … | TC1 - 05 |
| **Tiêu chí 2** | **Về kết quả học tập của thành viên trong đơn vị** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và trao đổi. | - Bảng chấm công của đơn vị;  - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;  - Văn bản thể hiện tinh thần hợp tác, chia sẻ, trao đổi…. (nếu có)  - Các loại Giấy khen, Bằng khen và hình thức khen thưởng khác đối với tập thể, cá nhân trong đơn vị. | TC2 - 01 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ và trao đổi. |
| Chỉ tiêu 2 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt. | Xác nhận của đơn vị đối với các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng theo quy định kèm theo chương trình học tập, bồi dưỡng; văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học; Giấy mời, Công văn cử đi học… | TC2 - 02 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt. |
| Chỉ tiêu 3 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị. | Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị; danh sách cán bộ được đào tạo/tập huấn/thực hiện chuyển đổi số… | TC2 - 03 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị. |
| Chỉ tiêu 4 | - Mức độ 1: Tối thiểu 50% thành viên trong đơn vị có chứng nhận hoặc chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm (không bao gồm thành viên trong đơn vị là tổ chức kinh tế). | - Danh sách trích ngang đội ngũ nhân sự toàn đơn vị trong đó có thông tin về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của các cá nhân được lãnh đạo đơn vị ký, xác nhận; bản photo các văn bằng, chứng chỉ… | TC2 – 04 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 70% thành viên trong đơn vị có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm (không bao gồm thành viên trong đơn vị là tổ chức kinh tế). |
| Chỉ tiêu 5 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng số 06/2022/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx)) trở lên. | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo cấp trên; bằng khen, giấy khen… | TC2 – 05 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx) số 06/2022/QH15) trở lên. |
| **Tiêu chí 3** | **Tác dụng của việc xây dựng “Đơn vị học tập”** |  |  |
| Chỉ tiêu 1 | - Mức độ 1: Tối thiểu 90% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, công nhận “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030 (ban hành tại Quyết định số 324/QĐ-KHVN ngày 25/10/2023 của Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.  Đối với đơn vị là cơ sở giáo dục: tối thiểu 95% người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN. | Quyết định công nhận “Công dân học tập” của các thành viên trong đơn vị | TC3 - 01 |
| - Mức độ 2: Tối thiểu 95% thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN.  Đối với Đơn vị là cơ sở giáo dục: tối thiểu 97% người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Quyết định số 324/QĐ-KHVN. |
| Chỉ tiêu 2 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố thực hiện các hoạt động tạo lập môi trường học tập và chia sẻ tri thức với các đơn vị khác. | - Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giấy mời, hình ảnh… thể hiện việc tạo lập môi trường học tập, giao lưu, chia sẻ tri thức/chuyên môn với các đơn vị khác.  - Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, giấy mời, hình ảnh, danh sách… tổ chức thực hiện hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn của cụm.  - Đường link bài giảng, tài liệu, học liệu được chia sẻ trên môi trường số…. | TC3 - 02 |
| Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập có thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định. | Xác nhận của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn đối với các thành viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng… | TC3 - 02 |
| Chỉ tiêu 3 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” (theo [Luật Thi đua, Khen thưởng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx)số 06/2022/QH15) trở lên. | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng; bằng khen, giấy khen… | TC3 - 03 |
|  |
| Chỉ tiêu 4 | - Mức độ 1: Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục phổ thông/cơ sở giáo dục đại học đạt mức độ chuyển đổi số của đơn vị ở “mức đáp ứng cơ bản” theo Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. | - Các minh chứng theo bộ chỉ số của Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Quyết định công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ quan quản lý cấp trên | TC3 - 04 |
| - Mức độ 2: Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục phổ thông/cơ sở giáo dục đại học đạt mức độ chuyển đổi số của đơn vị ở “mức đáp ứng tốt” theo Quyết định số [4725/QĐ-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyet-dinh-4725-QD-BGDDT-2022-Bo-chi-so-danh-gia-chuyen-doi-so-co-so-giao-duc-pho-thong-549855.aspx) ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| Chỉ tiêu 5 | Đơn vị cấp huyện/cấp thành phố là cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành. | Quyết định/ Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục | TC3 - 05 |